

Số: /2019/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2019

**DỰ THẢO 1**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA ....., KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ về ban hành điều lệ sáng kiến;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;*

*Xét Tờ trình số ... ngày ... tháng ... năm ... của UBND tỉnh về quy định nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Báo cáo thẩm tra của ...; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động xét công nhận sáng kiến; xét công nhận hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Bình

Phước; các hoạt động phổ biến sáng kiến; tổ chức các hội thi, cuộc thi về sáng kiến, sáng tạo; triển khai các biện pháp khuyến khích phong trào sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Những nội dung, mức chi không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến và các quy định hiện hành; Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng và các quy định của pháp luật có liên quan.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Hội đồng sáng kiến, ban tổ chức các cuộc thi, hội thi sáng kiến, sáng tạo các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có tham gia các hoạt động sáng kiến, tổ chức, xét tặng giải thưởng tại các hội thi, cuộc thi về sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

## **Điều 2. Quy định nội dung chi, mức chi cho hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bình Phước như sau:**

### 1. Chi hợp Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh:

a) Chủ tịch Hội đồng (người chủ trì cuộc họp): 500.000 đồng/buổi;

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: 400.000 đồng/buổi;

c) Các Phó chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, các uỷ viên Hội đồng và các chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực áp dụng sáng kiến được mời dự họp mà không phải là Tổ viên Tổ chuyên môn: 300.000 đồng/buổi;

d) Các thành viên Tổ Thư ký, Tổ chuyên môn và đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan được mời dự: 150.000 đồng/buổi;

đ) Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2. Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh (*mức chi áp dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*):

a) Chủ tịch Hội đồng: 300.000 đồng/tháng;

b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: 250.000 đồng/tháng;

c) Thư ký Hội đồng, các uỷ viên Hội đồng: 200.000 đồng/người/tháng;

d) Tổ viên Tổ Thư ký: 150.000 đồng/người/tháng.

3. Chi hợp Tổ Chuyên môn, Tổ Thư ký tham mưu cho Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh không vượt quá 30% định mức chi hợp Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh:

- a) Tổ trưởng: 150.000đ/cuộc họp;
- b) Tổ phó: 100.000đ/cuộc họp;
- c) Tổ viên, đại biểu dự họp: 70.000đ/người/cuộc họp;

d) Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

4. Chi họp Hội đồng Sáng kiến của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Bình Phước không quá 80% định mức chi cho Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh:

- a) Chủ tịch Hội đồng (người chủ trì cuộc họp): 400.000 đồng/buổi;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: 300.000 đồng/buổi;

c) Các Phó chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, các uỷ viên Hội đồng và các chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực áp dụng sáng kiến được mời dự phản biện mà không phải là Tổ viên Tổ chuyên môn: 200.000 đồng/người/buổi;

d) Các thành viên Tổ Thư ký, Tổ chuyên môn và đại diện các cơ quan, đơn vị liên quan được mời dự: 100.000 đồng/người/buổi;

đ) Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

5. Chi họp Tổ Chuyên môn, Tổ Thư ký tham mưu cho Hội đồng Sáng kiến của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Bình Phước không vượt quá 80% định mức cấp tỉnh:

- a) Tổ trưởng: 100.000đ/cuộc họp;
- b) Tổ phó: 80.000đ/cuộc họp;
- c) Tổ viên, đại biểu dự họp: 50.000đ/người/cuộc họp;

d) Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

6. Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng Sáng kiến của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Bình Phước không vượt quá 50% mức chi cấp tỉnh:

- a) Chủ tịch Hội đồng: 150.000 đồng/tháng;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: 100.000 đồng/tháng;
- c) Thư ký Hội đồng, các uỷ viên Hội đồng: 80.000 đồng/người/tháng;
- d) Tổ viên Tổ Thư ký: 50.000 đồng/người/tháng.

7. Chi thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, nhận xét sáng kiến (đối với những sáng kiến ngoài khả năng của Tổ Thư ký, Tổ Chuyên môn):

a) Đối với sáng kiến đề nghị công nhận hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh/toàn quốc:

- Chuyên gia có trình độ từ thạc sỹ trở xuống: 500.000đ/phiếu nhận xét;

- Chuyên gia có trình độ Tiến sỹ: 1.000.000đ/phiếu nhận xét;
- Chuyên gia có trình độ Tiến sỹ khoa học, Giáo sư, Phó Giáo sư: 1.500.000đ/phiếu nhận xét.

b) Đối với sáng kiến đề nghị công nhận ở phạm vi các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Bình Phước:

- Chuyên gia có trình độ từ thạc sỹ trở xuống: 400.000đ/phiếu nhận xét;
- Chuyên gia có trình độ Tiến sỹ: 800.000đ/phiếu nhận xét;
- Chuyên gia có trình độ Tiến sỹ khoa học, Giáo sư, Phó Giáo sư: 1.500.000đ/phiếu nhận xét.
- Chuyên gia có trình độ từ thạc sỹ trở xuống: 500.000đ/phiếu nhận xét;
- Chuyên gia có trình độ Tiến sỹ: 1.000.000đ/phiếu nhận xét;
- Chuyên gia có trình độ Tiến sỹ khoa học, Giáo sư, Phó Giáo sư: 1.200.000đ/phiếu nhận xét.

8. Chi thù lao cho Tổ viên Tổ Thư ký, Tổ chuyên môn phân tích, đánh giá, sơ loại sáng kiến, báo cáo kết quả cho Hội đồng Sáng kiến

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/phiếu nhận xét/sáng kiến. Trong đó, mỗi sáng kiến phân công cho ít nhất 02 tổ viên nhận xét độc lập;

b) Cấp huyện: 50.000 đồng/phiếu nhận xét/sáng kiến. Trong đó, mỗi sáng kiến phân công cho ít nhất 02 tổ viên nhận xét độc lập.

9. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Bình Phước có trách nhiệm quy định và hướng dẫn mức chi cụ thể cho hoạt động của Hội đồng sáng kiến ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đảm bảo không vượt quá 50% mức chi quy định tại Khoản 4 và Điểm b Khoản 7 Điều này.

10. Chi phổ biến sáng kiến

a) Chi tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm) hỗ trợ việc chuyên giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng:

- Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

- Thực hiện các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm): Ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bê mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan). Mức chi hỗ trợ ở quy mô cấp tỉnh trở lên là 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia; ở quy mô ngành, cấp huyện không quá 05 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Chi tổ chức hội nghị, hội thảo để hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

11. Chi khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

a) Chi tổ chức các cuộc thi, hội thi về sáng kiến, sáng tạo khoa học và công nghệ, khởi nghiệp:

Nội dung	Mức chi
Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban giám khảo: 500.000 đồng/người/buổi.</li> <li>- Ủy viên, thư ký: 300.000 đồng/người/buổi.</li> <li>- Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi: Tối đa không quá 1.500.000 đồng/công trình, giải pháp, đề tài.</li> </ul>
Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức hội thi, cuộc thi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thù lao cho các thành viên Ban Tổ chức: 300.000 đồng/người/tháng.</li> <li>- Thù lao các thành viên Ban Thư ký: 200.000 đồng/người/tháng.</li> </ul>
Chi giải thưởng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải nhất: 25 triệu đồng/giải.</li> <li>- Giải nhì: 20 triệu đồng/giải.</li> <li>- Giải ba: 15 triệu đồng/giải.</li> <li>- Giải khuyến khích: 05 triệu đồng/giải.</li> <li>- Trường hợp có các giải phụ thì mức chi không quá 03 triệu đồng/giải.</li> </ul>
Tiền tài liệu, văn phòng phẩm, máy chiếu, bảng họp phục vụ họp Ban Tổ chức, Ban giám khảo	Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

b) Số lượng các giải thưởng của các hội thi, cuộc thi quy định tại Điểm a Khoản này thực hiện theo quy định tại Thẻ lệ (hoặc Điều lệ) tổ chức các cuộc thi, hội thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Mức chi khen thưởng cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, vận động, tổ chức các hội thi, cuộc thi quy định tại Điểm a Khoản này thực hiện theo các hình thức khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

d) Mức chi hỗ trợ cho các tác giả đoạt giải đi nhận giải thưởng (gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, ở trong thời gian nhận giải thưởng) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

đ) Các khoản chi khác phục vụ công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi áp dụng theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính;

e) Trong trường hợp huy động được nguồn kinh phí tài trợ hợp pháp (ngoài nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ), Ban Tổ chức các hội thi, cuộc thi có thể áp dụng mức chi cao hơn mức chi quy định tại Nghị quyết này trong phạm vi nguồn kinh phí huy động được;

g) Thông tin, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

h) Việc ưu tiên xem xét, cấp kinh phí cho các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở để nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến: Thực hiện theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh về ban hành Quy định nội dung và định mức dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

i) Tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động sáng kiến ở các ngành, các cấp thực hiện theo Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động sáng kiến, sáng tạo**

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh; nguồn ngân sách chi thường xuyên được giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

2. Nguồn kinh phí khác: Nguồn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác huy động từ cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện, giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa ... - kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... và có hiệu lực từ ngày ... Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

***Nơi nhận:***

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, KH&CN; Tài chính;
- TT.TU, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Bình Phước;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**